SỞ Y TẾ TỈNH ĐẮK LẮK
BỆNH VIỆN PHỔI TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:190 /QĐ-BVPĐL

Đắk Lắk, ngày 05 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm lại và mua sắm bổ sung thuốc Generic năm 2026 thuộc Dự toán: Mua thuốc phục vụ khám, chữa bệnh năm 2026 của Bệnh viện Phổi tỉnh Đắk Lắk

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN PHỔI TỈNH ĐẮK LẮK.

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc hội;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2025 của Bộ Y tế Quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư 134/2026/TT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Bộ tài chính quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, giám sát, báo cáo tình hình thwucj hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐNN ngày 30/10/2025 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đắk Lắk Ban hành Quy định về thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện mua sắm, sữa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị, thuê hàng hóa dịch

vụ, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý quản lý của tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ quyết định số 077/QD-BVPĐL ngày 26/5/2026 về dự toán thu, chi từ nguồn thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước năm 2026 của Bệnh viện Phổi tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thuốc & điều trị ngày 01/10/2026 của Bệnh viện Phổi tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ Quyết định số 189/QĐ-BVPĐL ngày 05/11/2026 của Bệnh viện Phổi tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt dự toán gói thầu: Mua sắm lại và mua sắm bổ sung thuốc Generic năm 2026 thuộc Dự toán: Mua thuốc phục vụ khám, chữa bệnh năm 2026 của Bệnh viện Phổi tỉnh Đắk Lắk.

Xét đề nghị của Khoa Dược - VTYT tại Tờ trình số11/Tr-KDVTYT ngày 05/11/2026 về việc trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm lại và mua sắm bổ sung thuốc Generic năm 2026 thuộc Dự toán: Mua thuốc phục vụ khám, chữa bệnh năm 2026 của Bệnh viện Phổi tỉnh Đắk Lắk.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm lại và mua sắm bổ sung thuốc Generic năm 2026 thuộc Dự toán: Mua thuốc phục vụ khám, chữa bệnh năm 2026 của Bệnh viện Phổi tỉnh Đắk Lắk, với số tiền 400.497.860 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm triệu bốn trăm chín mươi bảy ngàn tám trăm sáu mươi đồng*), nội dung chi tiết như phụ lục I, II kèm theo.

Điều 2: Khoa Dược - VTYT, Bộ phận kế toán, Tổ mua sắm Bệnh viện Phổi tỉnh Đắk Lắk thực hiện các bước tiếp theo theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 3: Khoa Dược - VTYT, Kế toán trưởng, Tổ mua sắm, các bộ phận, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH ĐẮK LẮK
BỆNH VIỆN PHỔI TỈNH ĐẮK LẮK

Châu Đương

PHỤ LỤC 1

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU GÓI THẦU: MUA SẮM LẠI VÀ MUA SẮM BỔ SUNG THUỐC GENERIC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 190 /QĐ-BVPĐL ngày 05 tháng 11 năm 2026 của Bệnh viện Phổi tỉnh Đắk Lắk)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
1	Bệnh viện Phổi tỉnh Đắk Lắk	Mua sắm lại và mua sắm bổ sung thuốc Generic năm 2026	Mua thuốc phục vụ khám chữa bệnh cho năm 2026	400.497.860	Nguồn tài chính hợp pháp (thu DVSNC sử dụng NSNN năm 2026)	Chào giá trực tuyến rút gọn		60 ngày	Quý IV/2026	Theo đơn giá cố định	365 ngày	Không áp dụng	Không đề xuất
Tổng giá gói thầu				**400.497.860** đồng *(Bốn trăm triệu bốn trăm chín mươi bảy ngàn tám trăm sáu mươi đồng)*.									

PHỤ LỤC 2

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU GÓI THẦU: MUA SẮM LẠI VÀ MUA SẮM BỔ SUNG THUỐC GENERIC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVPĐL ngày tháng 11 năm 2026 của Bệnh viện Phổi tỉnh Đắk Lắk)

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ/Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm KT	ĐVT	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	Acid amin	10%;500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	4	Chai/Lọ/Ống/ Túi/Bịch	139.000	300	41.700.000
2	Allopurinol	300mg	Uống	Viên	1	Viên	2.875	100	287.500
3	Aluminum phosphat	12,38g;20%	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	4	Gói/Túi/Chai/ Lọ/Ống/Bịch	2.000	5.000	10.000.000
4	Amikacin	250mg/ml;2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	1	Chai/Lọ/Ống/ Túi/Bịch	31.500	800	25.200.000
5	Atropin sulfat	0.25mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm	4	Chai/Lọ/Ống/ Túi/Bịch	800	100	80.000
6	Azithromycin	500mg	Uống	Viên	4	Viên	2.650	1.000	2.650.000
7	Carbazochrom	30mg	Uống	Viên	4	Viên	2.982	1.000	2.982.000
8	Cefixim	200mg	Uống	Viên	3	Viên	2.879	2.000	5.758.000
9	Cefoperazon*	2g	Tiêm	Thuốc tiêm	4	Chai/Lọ/Ống/ Túi/Bịch	65.100	500	32.550.000
10	Cefuroxim	500mg	Uống	Viên	2	Viên	5.400	8.000	43.200.000
11	Clindamycin	300mg	Uống	Viên nang	4	Viên	1.360	500	680.000

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ/Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm KT	ĐVT	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
12	Codein + terpin hydrat	15mg+100mg	Uống	Viên	4	Viên	945	10.000	9.450.000
13	Colchicin	1mg	Uống	Viên	4	Viên	890	100	89.000
14	Midazolam	5mg/ml;1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	1	Chai/Lọ/Ống/ Túi/Bịch	27.500	150	4.125.000
15	Diazepam	5mg	Uống	Viên	4	Viên	550	500	275.000
16	Diphenhydramin	10mg/ml; 1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	4	Chai/Lọ/Ống/ Túi/Bịch	893	100	89.300
17	Etamsylat	125mg/ml;2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	4	Chai/Lọ/Ống/ Túi/Bịch	7.850	9.000	70.650.000
18	Furosemid	40mg	Uống	Viên	4	Viên	400	160	64.000
19	Gentamicin	40mg/ml;2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	4	Chai/Lọ/Ống/ Túi/Bịch	1.800	1.300	2.340.000
20	Gliclazid	30mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	2	Viên	562	480	269.760
21	Hyoscin butylbromid	20mg/ml x 1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	4	Chai/Lọ/Ống/ Túi/Bịch	4.200	20	84.000
22	Insulin người tác dụng trung bình, trung gian	100IU/ml;10ml	Tiêm	Thuốc tiêm	1	Chai/Lọ/Ống/ Túi/Bịch	115.000	50	5.750.000
23	Lactobacillus acidophilus	10^8 CFU, 1g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	4	Gói/Túi/Chai/ Lọ/Ống	987	1.000	987.000
24	Metformin hydroclorid	500mg	Uống	Viên	1	Viên	2.338	2.400	5.611.200

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ/Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm KT	ĐVT	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
25	Metoclopramid	5mg/ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	4	Chai/Lọ/Ống/ Túi/Bịch	1.360	100	136.000
26	Morphin	10mg/ml;1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	4	Chai/Lọ/Ống/ Túi/Bịch	10.000	150	1.500.000
27	Natri Clorid	0,9%;500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	2	Chai/Lọ/Ống/ Túi/Bịch	12.500	700	8.750.000
28	Natri montelukast	10mg	Uống	Viên	2	Viên	1.798	1.200	2.157.600
29	Nor-epinephrin (Nor- adrenalin)	1mg/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	4	Chai/Lọ/Ống/ Túi/Bịch	3.500	200	700.000
30	Nước cất pha tiêm	5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	4	Chai/Lọ/Ống/ Túi/Bịch	609	64.000	38.976.000
31	Nước cất pha tiêm	10ml	Tiêm	Thuốc tiêm	4	Chai/Lọ/Ống/ Túi/Bịch	960	40.000	38.400.000
32	Piperacilin + tazobactam	2g+0,25g	Tiêm	Thuốc tiêm	1	Chai/Lọ/Ống/ Túi/Bịch	77.000	100	7.700.000
33	Povidon iod	10%;20ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	4	Chai/Lọ/Bịch/ Túi/Ống/Tuýp	6.090	250	1.522.500
34	Povidon iodin	10%; 125ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	4	Chai/Lọ/Bịch/ Túi/Ống/Tuýp	17.050	100	1.705.000
35	Salbutamol	100mcg/liều x 200 liều	Đường hô hấp	Thuốc hít định liều/phun mù định liều	1	Bình/Hộp/Chai/Lọ/Ống/Tuýp	105.000	125	13.125.000

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ/Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm KT	ĐVT	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
36	Tranexamic acid	500mg	Uống	Viên	4	Viên	980	5.000	4.900.000
37	Diclofenac	75mg/3ml	Tiêm	Thuốc tiêm	4	Chai/Lọ/Ống/ Túi/Bịch	780	300	234.000
38	Furosemid	10mg/ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	4	Chai/Lọ/Ống/ Túi/Bịch	650	200	130.000
39	Kali clorid	500mg	Uống	Viên	4	Viên	1.000	4.500	4.500.000
40	Silymarin	140mg	Uống	Viên	4	Viên	1260	5.000	6.300.000
41	Dobutamin	12,5mg/ml;20ml	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	1	Chai/Lọ/Ống/ Túi/Bịch	90.000	30	2.700.000
42	Fentanyl	0,1mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	5	Chai/Lọ/Ống/ Túi/Bịch	15.000	50	750.000
43	Pyrazynamid	500mg	Uống	Viên	4	Viên	900	1600	1.440.000
	Tổng cộng: 43 khoản								**400.497.860**